TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:323/2024/HNGĐ-ST Ngày 06/8/2024. "V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cồ Khắc Đam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Long

Bà Nguyễn Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình Tuấn, Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Thế, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024, về việc: *Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn*.

Theo Quyết định đưa ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Trần Huyền T, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

* *Bị đơn*: Anh Lâm Viết Đ, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Huyền T trình bày:

* Về tình cảm: Tôi và anh Lâm Viết Đ, sinh năm 1996 có tìm hiểu nhau khoảng 4 năm rồi kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2016 tại UBND xã Đ, huyện G, TP Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chuyển về sinh sống cùng gia đình anh Đ tại Thôn X, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội. Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tôi tính cách không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra anh Đ thường xuyên vắng nhà không quan tâm gì đến vợ con. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, tôi và anh Đ cũng ngồi lại nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng tôi vẫn không được cải thiện. Hai bên gia đình cũng biết chuyện vợ chồng tôi mâu thuẫn có khuyên giải anh Đ nhưng anh Đ vẫn không thay đổi vẫn đi biền biệt không quan tâm gì đến gia đình. Đến đầu năm 2023 thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng tôi chuyển về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ tại thôn Y, xã P. Trong thời gian ly thân, tôi và anh Đ cũng tìm nhiều biện pháp để cải thiện tình trạng mâu thuẫn và do các con còn nhỏ và cần có sự quan tâm của của bố của mẹ nên vợ chồng tôi lại quay lại sống chung với nhau. Sau khi tôi và anh Đ quay lại sống chung với nhau thì anh Đ vẫn chứng nào tật đấy vẫn thường xuyên bỏ nhà đi không quan tâm gì đến vợ con, tôi có hỏi anh Đ đi đâu nhưng anh Đ không nói, tôi thấy cuộc sống vợ chồng giữa tôi và anh Đ không có sự chia sẻ và cảm thông. Đến tháng 4/2024 mâu thuẫn vợ chồng lại tiếp tục trầm trọng, tôi cùng 03 con lại chuyển về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ của tôi, vợ chồng tôi sống ly thân từ đó cho đến nay. Tôi cảm thấy cuộc sống hôn nhân giữa tôi và anh Đ không còn hạnh phúc và tình cảm vợ chồng đã không còn. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lâm Viết Đ.

* *Về con chung*: Tôi và anh Đ có 03 con chung là Lâm Long G, sinh ngày 10/7/2016; Lâm Ngọc Bảo H, sinh ngày 17/8/2019 và Lâm Ngọc Kim N, sinh ngày 03/4/2023. Hiện nay tôi và các con đang sinh sống ổn định cùng với bố mẹ tôi tại thôn Y, xã P, huyện G, Hà Nội. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

* *Về điều kiện nuôi con*: Hiện nay tôi và các con đang sinh sống trên nhà đất của bố mẹ tôi tại thôn Y, xã P. Tại bố mẹ tôi cho tôi phòng riêng để tiện nuôi dưỡng và chăm sóc các con.

Về điều kiện kinh tế: Hiện nay tôi đang làm công việc tự do buôn bán quần áo với mức thu nhập bình quân 12 -15 triệu đồng/tháng. Ngoài ra tôi ở cũng bố mẹ, bố mẹ tôi làm công việc tự do nên cũng có nhiều thời gian giúp tôi trong việc chăm sóc con cái. Tôi thấy mình có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung.

* *Về tài sản chung là động sản, bất động sản và các khoản nợ chung:* Tôi và anh Đ không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* *Về án phí*: Tôi tự nguyện chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, chị T không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lâm Viết Đ nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc, không thể hiện ý kiến, không giao nộp, không cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và cũng không tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Do bận công việc, chị Trần Huyền T có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

- Bị đơn anh Lâm Viết Đ tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Đ nhưng anh Đ không có mặt tại phiên tòa.

* *Xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình thể hiện*: Sau khi, chị T và anh Đ kết hôn chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ anh Đ tại Thôn X, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội. Quá trình sinh sống tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng của anh chị không thể hiện ra bên ngoài nên tôi không nắm rõ. Chị T và anh Đ không nhờ chính quyền đia phương hòa giải. Nay tôi được biết chị T và anh Đ không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2024 cho đến nay. Về việc chị T nộp đơn ly hôn anh Đ và các vấn đề về con chung thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Tại Biên bản ghi lời khai của mẹ đẻ chị T là bà Hà Thị T1 trình bày: Con gái tôi là Trần Huyền T kết hôn với anh Lâm Viết Đ trên cơ sở tự nguyện và có

đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2016 tại UBND xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chuyển về sinh sống tại nhà của bố mẹ anh Đ. Trong thời gian sống chung ngay sau khi kết hôn vợ chồng anh chị đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau. Vì vậy, vợ chồng anh chị T và Đ thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ về phần anh Đ. Anh Đ thường xuyên vắng nhà, thỉnh thoảng mới về và bỏ bê vợ con không quan tâm gì đến vợ con. Gia đình hai bên biết việc mâu thuẫn nên có khuyên bảo vợ chồng anh chị nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng. Đến tháng 4/2024, chị T đưa cả 3 con chuyển về sinh sống nhà tôi tại Thôn Y, xã P, huyện G, Hà Nội. Anh Đ và chị T đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh Đ cũng không quan tâm gì đến vợ con, cũng không đến nhà tôi để gặp chị T để tìm cách giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Nay chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lâm Viết Đ thì quan điểm của vợ chồng tôi là anh chị đã trưởng thành nên tự quyết định việc hôn nhân của anh chị. Anh Đ đã không quan tâm gì đến chị T, bỏ bê vợ con và chị T xác định không còn tình cảm với anh Đ nữa nên anh chị không thể về đoàn tụ chung sống hạnh phúc với nhau được nữa thì đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Đ theo quy định của pháp luật để sớm ổn định cuộc sống của mẹ con chị T.

Về con chung: Chị T và anh Đ có 03 con chung là Lâm Gia L, sinh ngày 10/7/2016; Lâm Ngọc Bảo H, sinh ngày 17/8/2019 và Lâm Ngọc Kim N, sinh ngày 03/4/2023. Hiện nay, chị T và 03 con đang sinh sống ổn định tại nhà vợ chồng tôi. Tại đây vợ chồng tôi sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho mẹ con chị T về chỗ ở và kinh tế để chăm sóc các cháu. Anh Đ thường xuyên vắng nhà nên không có thời gian chăm sóc con chung. Vì vậy, kính đề nghị Tòa án giao 03 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là tốt nhất.

Về điều kiện kinh tế của chị T để nuôi con thì hiện nay chị T đang làm công việc tự do thu nhập hàng tháng khoảng 12.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, vợ chồng tôi còn hỗ trợ thêm về kinh tế để chị T nuôi các con ăn học. Nếu trong trường hợp anh chị phải ly hôn và giao cả 03 con chung cho chị T nuôi dưỡng thì vợ chồng tôi sẽ tạo mọi điều kiện tốt nhất về chỗ ở và kinh tế, sinh hoạt cho mẹ con chị T ở tại nhà vợ chồng tôi.

* Tại Biên bản ghi lời khai của bố mẹ đẻ của anh Lâm Viết Đ là ông Lâm Viết Đ1 và bà Đào Thị A trình bày:

Con trai tôi là Lâm Viết Đ kết hôn với chị Trần Huyền T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2016 tại UBND xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chuyển về sinh sống tại nhà đất của vợ chồng tôi tại Thôn X, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội. Trong thời gian sống chung ngay sau khi kết hôn vợ chồng anh chị đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau. Vì vậy, vợ chồng anh chị T và Đ thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yêu do anh Đ. Anh Đ thường xuyên vắng nhà, thỉnh thoảng mới về và bỏ bê vợ con không quan tâm gì đến vợ con. Gia đình hai bên biết việc mâu thuẫn nên có khuyên bảo vợ chồng anh chị nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi nên mua thuẫn vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng. Đến tháng 4/2024, chị T đưa cả 3 con chuyển về sinh sống cùng gia đình bố mẹ đẻ tại Thôn Y, xã P, huyện G, Hà Nội. Anh Đ và chị T đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh Đ cũng không quan tâm gì đến vợ con anh Đ, cũng không đến nhà bố mẹ đẻ chị T để gặp chị T mà tìm cách giải quyết mâu thuẫn để về chung sống với nhau.

Nay chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lâm Viết Đ thì quan điểm của vợ chồng tôi là anh chị đã trưởng thành nên tự quyết định việc hôn nhân của anh chị. Mâu thuẫn của anh chị cũng trầm trọng, không thể về đoàn tụ chung sống với nhau hạnh phúc được nữa. Nếu cuộc hôn nhan mà kéo dài thì ảnh hưởng đến cuộc sống của vợ con anh Đ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật cho chị T được ly hôn với anh Đ để sớm ổn định cuộc sống của chị T và các cháu.

Về con chung: Chị T và anh Đ có 03 con chung là Lâm Gia L, sinh ngày 10/7/2016; Lâm Ngọc Bảo H, sinh ngày 17/8/2019 và Lâm Ngọc Kim N, sinh ngày 03/4/2023. Hiện nay, chị T và 03 con đang sinh sống ổn định tại nhà của bố mẹ đẻ chị T tại Thôn Y, xã P, huyện G, Hà Nội. Tại đây bố mẹ chị T đã tạo điều kiện tốt nhất cho mẹ con chị T về chỗ ở, có phòng riêng để tiện chăm sóc con cái.

Về điều kiện kinh tế của chị T để nuôi con thì hiện nay chị T đang làm công nhân thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, vợ chồng tôi còn hỗ trợ thêm về kinh tế để chị T nuôi các con ăn học. Nếu trong trường hợp anh chị phải ly hôn thì đề nghị Tòa án giao cả 03 con chung cho chị T

trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục vì điều kiện nuôi con của chị T tốt hơn anh Đ, anh Đ thường xuyên vắng nhà, không có thời gian chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Anh Đ và chị T không có tài sản chung vì từ khi kết hôn cho đến nay anh Đ và chị T ở nhà vợ chồng tôi, không phải lo gì và chưa tạo dựng được tài sản nào khác.

- Đại diện VKSND huyện G tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và việc tuân theo pháp luật của các đương sự; Đồng thời đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

+ Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện việc giao thông báo của Tòa án cho các đương sự, tiến hành các bước tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng.

+ Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các thông báo, giấy báo của Tòa án. Bị đơn không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không tham gia phiên tòa là vi phạm quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 19; khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Huyền T. Cho chị Trần Huyền T được ly hôn với anh Lâm Viết Đ.

Về con chung: Chị Trần Huyền T và anh Lâm Viết Đ có 03 con chung là Lâm Gia L, sinh ngày 10/7/2016; Lâm Ngọc Bảo H, sinh ngày 17/8/2019 và Lâm Ngọc Kim N, sinh ngày 03/4/2023. Quá trình tố tụng chị T trình bày nếu được ly hôn chị xin nuôi 03 con chung. Do 03 con chung hiện đang sinh sống ổn định và học tập tốt cùng chị T. Chị T có thu nhập và chỗ ở ổn định. Anh Đ hiện tại không đến Tòa án làm việc, không thể hiện quan điểm có nguyện vọng nuôi con hay không. Đồng thời, xét nguyện vọng của cháu L cũng mong muốn ở với chị T. Vì vậy đề nghị HĐXX giao con 03 chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung và các khoản nợ chung: Chị T trình bày không có, không đề nghị HĐXX xem xét.

Chị Trần Huyền T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Chị Trần Huyền T và anh Lâm Viết Đ có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Huyền T xin ly hôn với anh Lâm Viết Đ. Anh Lâm Viết Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn X, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội, vì vậy yêu cầu khởi kiện của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đ không hợp tác và không đến Tòa án trình bày ý kiến của mình, thể hiện anh Đ tự từ chối quyền và nghĩa vụ của mình.

[2]. Chị Trần Huyền T có đơn đề xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lâm Viết Đ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lâm Viết Đ.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Huyền T:* Tài liệu trong hồ sơ thể hiện chị Trần Huyền T và anh Lâm Viết Đ kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2016 ngày 08/3/2016 tại UBND xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị Trần Huyền T, các biên bản làm việc tại địa phương và bố mẹ đẻ của chị T, anh Đ đều xác nhận: Chị Trần Huyền T và anh Lâm Viết Đ kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy đình của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh Đ tại Thôn X, xã Đ, huyện G, Hà Nội. Trong thời gian sống chung ngay sau khi

kết hôn vợ chồng anh chị đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau. Vì vậy, vợ chồng anh chị T và anh Đ thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yêu do anh Đ. Anh Đ thường xuyên vắng nhà, thỉnh thoảng mới về và bỏ bê vợ con không quan tâm gì đến vợ con. Gia đình hai bên biết việc mâu thuẫn nên có khuyên bảo vợ chồng anh chị nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi nên mua thuẫn vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng. Đến tháng 4/2024, chị T đưa cả 3 con chuyển về sinh sống cùng gia đình bố mẹ đẻ tại Thôn Y, xã P, huyện G, Hà Nội. Anh Đ và chị T đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh Đ cũng không quan tâm gì đến vợ con anh Đ, cũng không đến nhà bố mẹ đẻ chị T để gặp chị T mà tìm cách giải quyết mâu thuẫn để về chung sống với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị T, anh Đ đã thực sự trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Huyền T. Cho chị Trần Huyền T được ly hôn anh Lâm Viết Đ.

[4]. *Về con chung:* Chị Trần Huyền T và anh Lâm Viết Đ có 03 con là Lâm Gia L, sinh ngày 10/7/2016; Lâm Ngọc Bảo H, sinh ngày 17/8/2019 và Lâm Ngọc Kim N, sinh ngày 03/4/2023.

Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị T và điều kiện hoàn cảnh thực tế của con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: 03 con chung hiện tại đang ăn ở, học tập ổn định với chị T. Kể từ khi ly thân các cháu vẫn ở cùng với chị T và do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cùng với sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ và bố mẹ của anh Đ về mọi mặt của cuộc sống. Anh Đ thường xuyên đi sớm về khuya, có khi không về nhà. Anh Đ đã bỏ bê, không quan tâm gì đến vợ con. Đồng thời, ý kiến của cháu L cũng có nguyện vọng ở với chị T. Để đảm bảo về ổn định sinh hoạt, phát triển về mọi mặt của các con chung, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đ cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[6]. *Về tài sản chung, nhà đất ở chung và các khoản nợ chung*: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] *Về án phí và quyền kháng cáo:* Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trần Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Trần Huyền T và anh Lâm Viết Đ có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Khoản1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu,miễn,giảm, thu, nộp,quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1Mục II Danh mục án phí,lệ phí Tòa án bán hành kem theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội .

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Huyền T. Cho chị Trần Huyền T, sinh năm 1996 được ly hôn với anh Lâm Viết Đ, sinh năm 1996.

[2].*Về con chung:* Giao 03 con chung là Lâm Gia L, sinh ngày 10/7/2016; Lâm Ngọc Bảo H, sinh ngày 17/8/2019 và Lâm Ngọc Kim N, sinh ngày 03/4/2023 cho chị Trần Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

[3].*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Lâm Viết Đ cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Lâm Viết Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4].*Về tài sản chung, nhà đất ở chung và các khoản nợ chung:* Chị Trần Huyền T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].*Về án phí:* Chị Trần Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Trần Huyền T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0004215 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội. Xác nhận chị Trần Huyền T đã nộp đủ tiền án phí.

[6].*Về quyền kháng cáo*: Chị Trần Huyền T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lâm Viết Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. G;
- THADS H. G;
- TAND TP Hà Nội;
- UBND xã Đ,
huyện G, TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cồ Khắc Đam